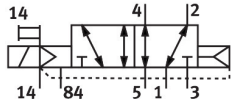


# Van điện từ CDVI5.0-MT2H-5LS

Số bộ phận: 196657

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/2 đơn ổn định                                               |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                          |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 650 l/ph                                                      |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | Tấm kết nối                                                   |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                                        |
| Áp suất vận hành                                           | -0.9 bar...10 bar                                             |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                          |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo khí nén                                                 |
| Chiều rộng định mức                                        | 5 mm                                                          |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                              |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                           |
| Nút ghi đè                                                 | quét                                                          |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                              |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | bên ngoài                                                     |
| Hướng dòng chảy                                            | có thể đảo ngược                                              |
| Lưu ý về lấy mẫu động bất buộc                             | Tần suất chuyển mạch ít nhất 1/tháng                          |
| Áp suất điều khiển                                         | 3 bar...8 bar                                                 |
| giá trị b                                                  | 0.38                                                          |
| Giá trị C                                                  | 2.75 l/s*bar                                                  |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 22 ms                                                         |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 12 ms                                                         |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 3 - ứng suất ăn mòn mạnh                                      |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -5 °C...50 °C                                                 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -5 °C...50 °C                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 195 g                                                         |
| Kiểu gắn                                                   | vận được                                                      |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 82/84                          | Tấm kết nối                                                   |
| Cổng nối khí nén 1                                         | Tấm kết nối                                                   |

| Đặc tính           | Giá trị         |
|--------------------|-----------------|
| Cổng nối khí nén 2 | Tấm kết nối     |
| Cổng nối khí nén 3 | Tấm kết nối     |
| Cổng nối khí nén 4 | Tấm kết nối     |
| Cổng nối khí nén 5 | Tấm kết nối     |
| Ghi chú vật liệu   | Tuân thủ RoHS   |
| Vật liệu của phốt  | NBR<br>TPE-O    |
| Vật liệu vỏ        | Nhôm đúc áp lực |